

BẾP LỬA

- Bằng Việt -

A. Nội dung tác phẩm

Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

B. Tìm hiểu tác phẩm

1. Tác giả

- Bằng Việt sinh năm 1941.
- Thuộc lớp nhà thơ trẻ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.
- Thơ Bằng Việt trong trẻo, mượt mà, tràn đầy cảm xúc, đề tài thơ thường đi vào khai thác những kỉ niệm, những kí ức thời thơ ấu và gợi những ước mơ tuổi trẻ.

2. Tác phẩm

a. Hoàn cảnh sáng tác

- Sáng tác năm 1963, khi nhà thơ đang là sinh viên theo học ngành Luật tại nước Nga.
- In trong tập “*Hương cây – bếp lửa*” – tập thơ đầu tay của Bằng Việt in chung với Lưu Quang Vũ.

b. Bố cục

- Phần 1 (khổ thơ đầu): Hình ảnh bếp lửa gợi nỗi nhớ về bà của người cháu.
- Phần 2 (bốn khổ thơ tiếp): Những kí ức tuổi thơ khi còn sống cùng bà, gắn liền với bếp lửa.
- Phần 3 (khổ thơ thứ 6): Suy ngẫm của người cháu về cuộc đời bà.
- Phần 4 (khổ cuối): Tình cảm của cháu dành cho bà, dù đã khôn lớn.

c. Ý nghĩa nhan đề

Bếp lửa là hình ảnh quen thuộc, gần gũi đối với con người Việt Nam. Nó là kỉ niệm ấu thơ giữa tác giả và người bà. Bếp lửa cũng là hình ảnh biểu tượng cho sự chăm sóc, yêu thương mà người bà dành cho cháu. Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn... có ý nghĩa thiêng liêng nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

d. Giá trị nội dung

Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí sâu sắc: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người

trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất.

e. Giá trị nghệ thuật

- Kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận.
- Sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

C. Đọc hiểu tác phẩm

1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về bà (khổ thơ đầu)

- Điệp ngữ: “*một bếp lửa*” được nhắc lại hai lần → khẳng định hình ảnh “bếp lửa” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ.
- Từ láy “*chờn vờn*” → Bếp lửa thực được cảm nhận bằng thị giác lúc vươn cao lúc lại xuống thấp.
- Từ “*ấp iu*”: ấp lửa, chắt chiu, nâng niu.
→ Gọi bàn tay khéo léo và sự nâng niu, kiên nhẫn của người nhóm lửa. Trong kí ức của cháu, hình ảnh bếp lửa vừa gần gũi thân thuộc vừa sống động, lung linh.
- “*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*”:
+ Cách bộc lộ cảm xúc trực tiếp → tình thương bà mãnh liệt của người cháu.
+ Hình ảnh ẩn dụ: “*biết mấy nắng mưa*” → những vất vả, hi sinh mà bà đã trải qua.
→ Ba câu thơ mở đầu đã diễn tả cảm xúc đang dâng lên cùng với những kí ức, hồi tưởng của tác giả về bếp lửa, về bà, là sự khái quát tình cảm của người cháu với cuộc đời lam lũ của người bà.

2. Những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà (4 khổ tiếp)

a. Tuổi thơ nhiều gian khổ, nhọc nhằn

- Hình ảnh “*bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*” → tái hiện lại hình ảnh xóm làng xơ xác, tiêu điều cùng những con người tiều tụy, vật lộn mưu sinh.
- Thành ngữ: “*đói mòn đói mỏi*” → gợi những nỗi ám ảnh, xót xa về nạn đói khủng khiếp năm 1945
- “*quen mùi khói*”, “*khói hun nhèm mắt cháu*” → Khói bếp trở thành ấn tượng sâu đậm nhất trong tâm hồn cháu.
- Chi tiết “*sống mũi còn cay*”:
+ Tả thực cuộc sống tuổi thơ gian khổ.
+ Tượng trưng cho sự xúc động mãnh liệt khi nhớ về quá khứ.
→ Cái cay vì khói bếp của cậu bé bốn tuổi và cái cay bởi xúc động của người cháu đã trưởng thành khi nhớ về bà. Những kỉ niệm xa xưa ấy giờ đây như vẫn còn tươi

mới, vẹn nguyên trong lòng cháu. Quá khứ và hiện tại đồng hiện trên những dòng thơ.

b. Tuổi thơ gắn với những gian khổ chung của thời kì kháng chiến chống Pháp.

- Nhớ âm thanh của tiếng tu hú:

+ Âm thanh quen thuộc của chốn đồng quê mỗi độ hè về cứ vang vọng, cuộn xoáy trong lòng người con xa xứ.

+ 4 lần tiếng tu hú vang lên: khi thảng thốt, khắc khoải, có lúc lại mơ hồ vắng lại từ những cánh đồng xa: *Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*; khi thì rộn về gần gũi thiết tha: *Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế*; rồi có lúc lại giống giả, kêu hoài → gọi nhớ, gọi thương về tuổi thơ, về người bà.

+ Điệp ngữ và câu hỏi tu từ: *Tu hú ơi... đồng xa* → gọi không gian bao la, buồn vắng đến lạnh lùng; gọi cung bậc khác nhau của âm thanh → diễn tả tâm trạng của người cháu mỗi lúc càng trở nên mạnh mẽ, da diết và khắc khoải.

- Nhớ tuổi thơ được sống trong sự cuơ mang, đùm bọc trọn vẹn của bà:

+ Bỏ đi công tác xa cháu ở với bà → hoàn cảnh điển hình của nhiều gia đình Việt Nam trong kháng chiến.

+ Các từ *bà dạy, bà chăm, bà bảo* → diễn tả sự chăm chút của bà đối với cháu

+ Từ *bà* và *cháu* được điệp lại 4 lần → tình bà cháu quấn quýt yêu thương.

→ Bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là chỗ dựa vững chắc về cả vật chất lẫn tinh thần, là cội nguồn yêu thương của cháu. Bà không chỉ chăm lo cho cháu từng chút một mà còn là người thầy đầu tiên dạy cho cháu bao điều về cuộc sống, những bài học của bà trở thành hành trang cháu mang theo trong suốt quãng đời còn lại.

c. Một kỉ niệm cháu vẫn nhớ ngọn ngành

+ Thành ngữ "*cháy tàn cháy rụi*" → hình ảnh làng quê hoang tàn trong khói lửa của chiến tranh.

+ Sự cuơ mang, đùm bọc của xóm làng đối với hai bà cháu.

+ Cụm từ "*vẫn vững lòng*" và những lời dặn dò của bà: *Cứ bảo rằng nhà vẫn được bình yên* → đức hi sinh, sự nhẫn nại, mạnh mẽ, kiên cường của bà.

→ Bà không chỉ là chỗ dựa cho đứa cháu thơ, là điểm tựa cho các con đang chiến đấu mà còn là hậu phương vững chắc cho cả tiền tuyến, góp phần không nhỏ vào cuộc kháng chiến chung của dân tộc. Tình cảm bà cháu hòa quyện trong tình yêu quê hương, Tổ quốc.

3. Những suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa (khổ 5, 6)

- Hình ảnh *ngọn lửa* → ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng cho ánh sáng và hơi ấm, sự sống.

- Điệp từ “một ngọn lửa” nhấn mạnh và làm nổi bật tình yêu thương ấm áp bà dành cho cháu → Bà là người nhóm lửa, truyền lửa, giữ lửa: sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

- Cụm từ chỉ thời gian dài, đằng đẵng: *đời bà, mấy chục năm rồi*

- Từ láy: *lặn đận* + đảo ngữ

- Hình ảnh ẩn dụ “*biết mấy nắng mưa*”

→ cuộc đời gian nan, vất vả và sự tàn tảo, đức hi sinh, chịu thương, chịu khó của bà

→ Hình ảnh của người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh.

- Điệp từ “*nhóm*”:

+ Từ “*nhóm*” (*nhóm bếp lửa*) → mang nghĩa gốc: chỉ hoạt động làm cho lửa bén và cháy lên.

+ Từ “*nhóm*” (*nhóm nồi xôi, nhóm niềm yêu thương, nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*) → nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ → khơi dậy và sáng lên niềm yêu thương, những kí ức đẹp, có giá trị trong cuộc đời con người.

- Điệp từ “*nhóm*” → nhấn mạnh và khẳng định giá trị lớn lao của những việc bà đã làm: nhóm bếp lửa → khơi dậy tình yêu thương, sự sống, niềm tin và nghị lực.

→ Bà không chỉ nhóm bếp lửa – công việc khởi đầu của một ngày mà còn làm công việc khởi đầu cho một đời, một tâm hồn – nhóm lên những yêu thương, suy nghĩ đầu tiên về cuộc đời, về con người trong tâm hồn đứa cháu. Người bà cũng là người nhóm lửa, giữ lửa, và truyền lửa cho các thế hệ - ngọn lửa của sự sống, niềm yêu thương, tin tưởng.

+ *Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!*

+ Câu cảm thán và câu trúc đảo → ngạc nhiên, ngỡ ngàng như khám phá ra một chân lí, một điều kì lạ giữa cuộc đời bình dị.

+ Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà – với vẻ đẹp tàn tảo, nhẫn nại và đầy yêu thương → nhớ về bếp lửa, nhớ về bà, nhớ về cội nguồn → Cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa.

4. Tình cảm của cháu dành cho bà, dù đã khôn lớn (khổ cuối)

- Khổ thơ cuối là lời tự bạch của người cháu khi đã trưởng thành

- “*Giờ cháu đã đi xa*” + dấu chấm giữa dòng thơ → khoảng cách về không gian thời gian.

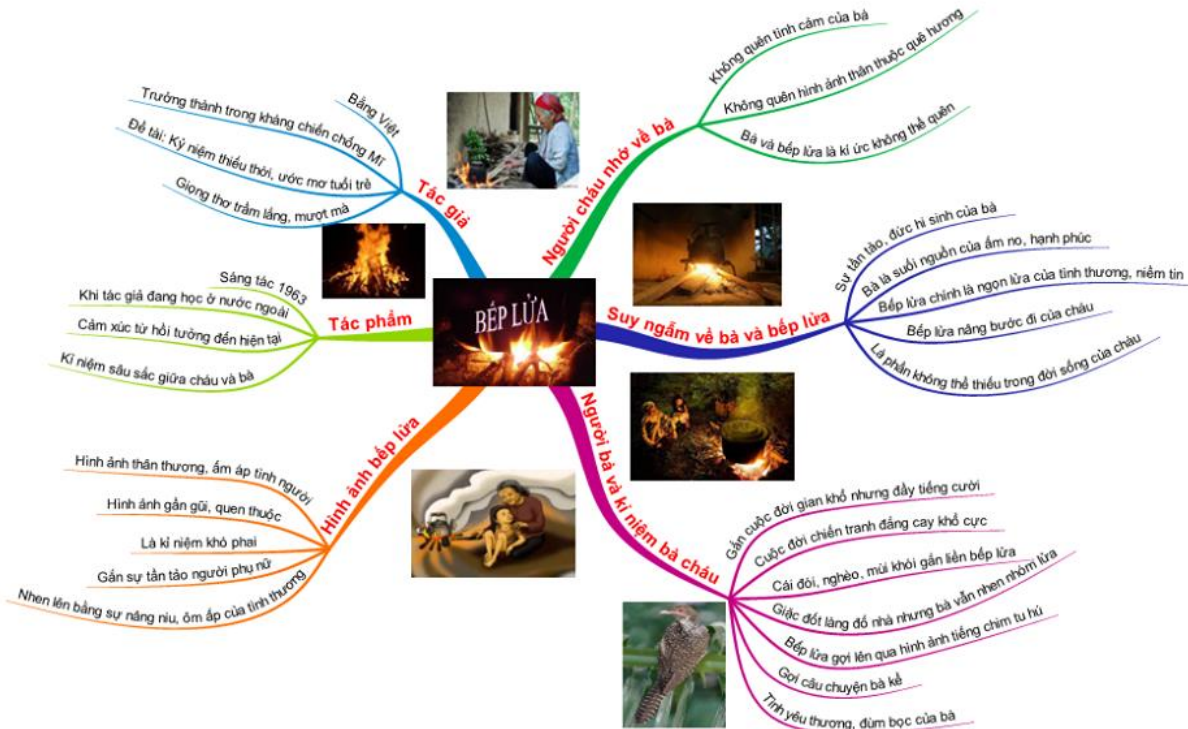
- Điệp ngữ “*có*” + biện pháp hoán dụ “*khói trăm tàu*”, “*lửa trăm nhà*”, “*niềm vui trăm nhà*”

→ cuộc sống đủ đầy, hiện đại.

- Câu hỏi tu từ thể hiện nỗi nhớ khôn nguôi với niềm hi vọng thiết tha, đau đáu về bà – bếp lửa – quê hương – đất nước.

→ Khẳng định nỗi nhớ bà – nhớ về nguồn cội. Bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời. Đó là đạo lí thủy chung cao đẹp của con người Việt Nam được nuôi dưỡng trong mỗi tâm hồn từ thuở ấu thơ và trở nên bất diệt.

D. Sơ đồ tư duy



E. Bài văn mẫu phân tích tác phẩm

Bằng Việt có riêng một kỉ niệm, đó chính là những tháng năm sống bên bà, cùng bà nhóm lên cái bếp lửa thân thương. Không chỉ thế, điều in đậm trong tâm trí của Bằng Việt còn là tình cảm sâu đậm của hai bà cháu. Chúng ta có thể cảm nhận điều đó bài thơ “**Bếp lửa**”. Bài thơ được sáng tác năm 1963 lúc ông 19 tuổi và đang đi du học ở Liên Xô.

Bài thơ đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của người cháu với bà, với gia đình, quê hương, đất nước. Tình cảm và những kỉ niệm về bà được khơi gợi từ hình ảnh bếp lửa. Ở nơi đất khách quê người, bắt gặp hình ảnh bếp lửa, tác giả chợt nhớ về người bà:

“*Một bếp lửa chờn vờn swong sớm*”

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.”*

Hình ảnh “chờn vờn” gợi lên những mảnh kí ức chập chờn như khói bếp. Bếp lửa được thắp lên, toả sáng tâm hồn đứa cháu thơ ngây. Dù đã cách xa nửa vòng trái đất nhưng Bằng Việt vẫn cảm nhận được sự vỗ về, yêu thương, chăm chút từ đôi tay kiên nhẫn và khéo léo của bà. Trong khoảnh khắc ấy, trong lòng nhà thơ trào dâng tình yêu thương bà vô hạn. Tình cảm bà cháu thiêng liêng ấy cứ như một dòng sông với con thuyền nhỏ chở đầy ấp những kỉ niệm mà suốt cuộc đời này chắc người cháu không bao giờ quên được.

Khổ thơ tiếp theo là dòng hồi tưởng của tác giả về những kỉ niệm của những năm tháng sống bên cạnh bà. Lời thơ giản dị như lời kể, như những câu văn xuôi, như thủ thỉ, tâm tình. Tác giả như đang kể lại cho người đọc nghe về câu chuyện cổ tích tuổi thơ mình. Nếu như trong câu chuyện cổ tích của những bạn cùng lứa khác có bà tiên, có phép màu thì trong câu chuyện của Bằng Việt có bà và bếp lửa. Trong những năm đói khổ, người bà đã gắn bó, xua tan không khí ghê rợn của nạn đói 1945 trong tâm trí đứa cháu. Cháu lúc nào cũng được bà chở che, bà đâu có đói cũng không để cháu thiếu bữa ăn nào, bà đi mót từng củ khoai, đào từng củ sắn để cháu ăn cho khỏi đói:

*“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”*

Chính “mùi khói” đã xua đi cái mùi tử khí trên khắp các ngõ ngách. Cũng chính cái mùi khói ấy đã quyện lại và bám lấy tâm hồn đứa trẻ. Dù cho tháng năm có trôi qua, những kí ức ấy cũng sẽ để lại ít nhiều ấn tượng trong lòng đứa cháu để rồi khi nghĩ lại thấy “sống mũi còn cay”. Là mùi khói làm cay mắt người người cháu hay chính là tấm lòng của người bà làm đứa cháu không cảm được nước mắt?

*“Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa
Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!”*

“Cháu cùng bà nhóm lửa”, nhóm lên ngọn lửa của sự sống và của tình yêu bà cháy bỏng của một cậu bé hồn nhiên, trong trắng như một trang giấy. Chính hình ảnh bếp lửa quê hương, bếp lửa của tình bà cháu đó đã gợi nên một liên tưởng khác, một hồi

ức khác trong tâm trí thi sĩ thuở nhỏ. Đó là tiếng chim tu hú kêu. Tiếng tu hú kêu như giục giã lúa mau chín, người nông dân mau thoát khỏi cái đói, và dường như đó cũng là một chiếc đồng hồ của đứa cháu để nhắc bà rằng: “Bà ơi, đến giờ bà kể chuyện cho cháu nghe rồi đấy!”.

Từ “tu hú” được điệp lại ba lần làm cho âm điệu câu thơ thêm bồi hồi tha thiết, làm cho người đọc cảm thấy như tiếng tu hú đang từ xa vọng về trong tiềm thức của tác giả. Tiếng “tu hú” lúc mơ bà, lúc vắng vắng từ những cánh đồng xa lằng lằng lòng người cháu xa xứ. Tiếng chim tu hú khắc khoải làm cho dòng kí niệm của đứa cháu trải dài hơn, rộng hơn trong cái không gian xa thẳm của nỗi nhớ thương. Nếu như trong những năm đói kém của nạn đói 1945, bà là người gắn bó với tác giả nhất, yêu thương tác giả nhất thì trong tám năm ròng của cuộc kháng chiến chống Mỹ, tình cảm bà cháu ấy lại càng sâu đậm:

*“Mẹ cùng cha công tác bận không về
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”*

Trong tám năm ấy, đất nước có chiến tranh, hai bà cháu phải rời làng đi tản cư, bố mẹ phải đi công tác, cháu vì thế phải ở cùng bà trong quãng thời gian ấy, nhưng dường như đối với đứa cháu, đó là một niềm hạnh phúc vô bờ. Ngày nào cháu cũng cùng bà nhóm bếp. Trong khói bếp chập chờn, mờ mờ ảo ảo ấy, bà như bà tiên hiện ra trong câu chuyện cổ huyền ảo của cháu. Bà vừa là cha, vừa là mẹ, vừa là cánh chim, là một cành hoa. Tình bà cháu vô cùng thiêng liêng, cao quý.

Trong những tháng năm sống bên cạnh bà, bà không chỉ chăm lo cho cháu từng miếng ăn, giấc ngủ mà còn là người thầy đầu tiên của cháu. Bà dạy cho cháu những chữ cái, những phép tính đầu tiên. Không chỉ thế, bà còn dạy cháu những bài học quý giá về cách sống, đạo làm người. Những bài học đó sẽ là hành trang mang theo suốt quãng đời còn lại của cháu. Bây giờ, khi nghĩ về bà, nhà thơ càng thương bà hơn bởi chẳng còn ai cùng bà nhóm lửa, cùng bà chia sẻ những chuyện vui buồn... Thi sĩ bỗng tự hỏi lòng mình: “Tu hú ơi, chẳng đến ở cùng bà?”. Một lời than thở thể hiện nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Chỉ trong một khổ thơ mà hai từ “bà”, “cháu” đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần gợi lên hình ảnh hai bà cháu sống đôi, gắn bó, quán quýt không rời.

Chiến tranh, một danh từ bình thường nhưng sức lột tả của nó thì khốc liệt vô cùng, nó đã gây ra đau khổ cho bao người, bao nhà. Và hai bà cháu trong bài thơ cũng trở thành một nạn nhân của chiến tranh: gia đình bị chia cắt, nhà bị giặc đốt cháy rụi...

*“Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh
Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:
Bố ở chiến khu bố còn việc bố
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Cuộc sống càng khó khăn, cảnh ngộ càng ngặt nghèo, nghị lực của bà càng bền vững, tấm lòng của bà càng mênh mông. Qua đó, ta thấy hiện lên một người bà cần cù, nhẫn nại và giàu đức hi sinh. Dù cho ngôi nhà, túp lều tranh của hai bà cháu đã bị đốt nhẵn, nơi nương thân của hai bà cháu nay đã không còn, bà dù có đau khổ thế nào cũng không dám nói ra vì sợ làm đứa cháu bé bỏng của mình lo buồn. Bà cứng rắn, dắt cháu vượt qua mọi khó khăn, bà không muốn đứa con đang bận việc nước phải lo lắng chuyện nhà. Điều đó ta có thể thấy rõ qua lời dặn của bà: “Mày có viết thư chớ kể này kể nọ / Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”.

Lời dặn của bà nôm na giản dị nhưng chất chứa biết bao tình. Gian khổ, thiếu thốn, bao nỗi nhớ thương con bà đều phải nén vào trong lòng để yên lòng người nơi tiền tuyến. Hình ảnh người bà không chỉ còn là người bà của riêng cháu mà còn là một biểu tượng rõ nét cho những người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh. Kết thúc khổ thơ, Bằng Việt đã nâng hình ảnh bếp lửa thành hình ảnh ngọn lửa:

*“Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn,
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng”.*

Hình ảnh ngọn lửa toả sáng trong câu thơ có sức truyền cảm mạnh mẽ. Ngọn lửa của tình yêu thương, ngọn lửa của niềm tin, ngọn lửa ấm nồng như tình bà cháu, ngọn lửa đỏ hồng soi sáng cho con đường đứa cháu. Bà luôn nhắc cháu rằng: nơi nào có ngọn lửa, nơi đó có bà, bà sẽ luôn ở cạnh cháu. Những dòng thơ cuối bài cũng chính là những suy ngẫm về bà và bếp lửa

“Nhóm bếp lửa ấp iu, nồng đượm”.

Một lần nữa, hình ảnh bếp lửa “ấp iu”, “nồng đượm” đã được nhắc lại ở cuối bài thơ như lời khẳng định tình cảm sâu sắc của hai bà cháu.

“Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi”

Nhóm lên bếp lửa ấy, bà đã truyền cho cháu tình yêu thương, nhắc cháu không bao giờ được quên những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã sống

“Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”

“Nồi xôi gạo mới sẻ chung vui” của bà hay là lời răn dạy cháu luôn phải mở lòng ra với mọi người xung quanh, phải gắn bó với xóm làng, đừng bao giờ có một lối sống ích kỉ.

“Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”

Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thêm huyền ảo như trong truyện. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn đứa cháu để mai này cháu khôn lớn thành người. Người bà kì diệu như vậy ấy, rất giản dị nhưng có một sức mạnh kì diệu. Ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong *“Tiếng gà trưa”* của Xuân Quỳnh:

*“Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc
Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng.”*

Suốt đọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà. Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tinh cảm dâng trào lớp lớp sóng vỗ vào bãi biển xanh thẳm lòng bà. Người bà đã là, đang là và sẽ mãi mãi là người quan trọng nhất đối với cháu dù ở bất kì phương trời nào. Bà đã trở thành một người không thể thiếu trong trái tim cháu. Giờ đây, khi đang ở xa bà nửa vòng trái đất, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về bà:

*“Giờ cháu đã đi xa
Có ngọn khói trăm tàu
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở
Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”*

Xa vòng tay chăm chút của bà để đến với chân trời mới, chính tình cảm của hai bà cháu đã sưởi ấm lòng tác giả trong mùa đông lạnh giá của nước Nga. Đứa cháu nhỏ của bà ngày xưa giờ đã trưởng thành nhưng trong lòng vẫn luôn nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. Cháu chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi lưu giữ những kí ức của tuổi thơ. “Đọc xong bài thơ, nhắm mắt lại tưởng tượng, bạn sẽ hình dung thấy ngay hình ảnh bếp lửa hồng và dáng người bà lặng lẽ ngồi bên. Hình ảnh có tính sống đời này hiện lên thật sống động, rõ ràng như thể nét khắc, nét chạm vậy...” (Văn Giá).